TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/**2025/DS-ST
Ngày: 18-7-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lương Quang Thanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

Bà Nguyễn Thị Thu Ba

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Cẩm Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thái** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 498/2023/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-DS, ngày 26/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Nay là thôn M, xã H, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Kỷ N, sinh năm 2004** (có mặt).

Địa chỉ: I N, Phường A, quận G, Tp. H. (Nay là I N, phường H, Tp. H).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn An B – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Nguyễn An B và cộng sự (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần B1.

Trụ sở chính: Tầng D, tòa A2 Ecolife Capitol, số E đường T, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội. (Nay là Tầng D, tòa A2 Ecolife Capitol, số E đường

T, phường T, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Văn D, sinh năm 1990** (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư I tầng, Cầu B, T, huyện T, Thành phố Hà Nội. (Nay là Chung cư I tầng, Cầu B, phường T, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Văn D, sinh năm 1990** (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị H và đại diện theo uỷ quyền của bà H trình bày:

Ngày 17/02/2022, bà Dương Thị H và công ty cổ phần B1 ký hợp đồng đặt cọc số: 0103051/2022/PQ-TS để đặt cọc lô A12-KDC Rạch Hàm 2, có diện tích 124m^2 tại địa chỉ Khu dân cư R, ấp R, xã H, Tp ., tỉnh Kiên Giang. Đại diện công ty cổ phần B1 ký là bà Lê Thị Lệ T. Tổng số tiền bà H đã nộp cho công ty cổ phần B1 là 641.700.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng), chuyển khoản vào số tài khoản của bà Đỗ Thị H1 là kế toán của công ty. Ngày 28/02/2022, bà H và đại diện công ty cổ phần B1 là ông Nguyễn Anh Q đã tiến hành lập vi bằng về văn bản thỏa thuận chuyển nhượng để tiếp tục thực hiện thỏa thuận mua bán lô đất trên.

Theo hợp đồng đặt cọc ngày 17/02/2022, các bên cam kết giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ chung) trước này 31/12/2022. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2022, công ty cổ phần B1 vẫn không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và cũng không bàn giao thửa đất trên thực tế cho bà H.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những yêu cầu sau:

- Tuyên hủy hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 giữa bà Dương Thị H với công ty cổ phần B1;

- Tuyên hủy văn bản thỏa thuận ngày 28/02/2022 giữa bà Dương Thị H với ông Nguyễn Anh Q.

- Buộc công ty cổ phần B1 phải hoàn trả lại số tiền bà Dương Thị H đã giao

là 641.700.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Buộc công ty cổ phần B1 phải chịu số tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên hoà giải và tại phiên toà hôm nay đại diện theo uỷ quyền của bà H xin rút lại yêu cầu phạt cọc, không yêu cầu công ty cổ phần B1 phải trả số tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng nữa.

Đại diện theo uỷ quyền của bà H xác định thửa đất được thể hiện tại tờ trích đo số: TĐ 170-2024 ngày 22/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P là thửa đất các bên thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng. Bà H không yêu cầu định giá tài sản tranh chấp vì bà H không yêu cầu bồi thường giá trị tài sản tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của công ty cổ phần B1, ông D trình bày:

Bà Lê Thị Lệ T và bà Đỗ Thị H1 là nhân viên của công ty cổ phần B1. Bà Lê Thị Lệ T được công ty cổ phần B1 giao nhiệm vụ đại diện công ty cổ phần B1 thoả thuận với khách hàng Dương Thị H để thoả thuận ký hợp đồng đặt cọc số: 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 để đặt cọc lô A12-KDC Rạch Hàm 2, có diện tích 124m^2 tại địa chỉ Khu dân cư R, ấp R, xã H, Tp ., tỉnh Kiên Giang. Do đó hợp đồng đặt cọc số: 0103051/2022/PQ-TS là hợp đồng được ký giữa bà Dương Thị H và công ty cổ phần B1.

Công ty cổ phần B1 đã nhận đủ số tiền 641.700.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng) do bà H chuyển khoản qua tài khoản của bà Đỗ Thị H1. Sau khi công ty cổ phần B1 nhận tiền thì giao toàn bộ số tiền này cho ông Nguyễn Anh Q. Ông Q là đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần B1 và cũng là chủ thửa đất mua bán chuyển nhượng. Thửa đất có diện tích 124m^2 tại địa chỉ ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang mà công ty cổ phần B1 ký với bà H không phải tài sản của Công ty. Tại thời điểm đặt cọc thì thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thủ tục hành chính của Phú Quốc nên ông Q chưa kịp thời tách thửa, làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà H.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của công ty trình bày ý kiến: Đồng ý huỷ hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS để đặt cọc lô A12-KDC Rạch Hàm 2, có diện tích 124m^2 giữa bà Dương Thị H với công ty. Công ty đồng ý trả bà H số tiền cọc 50.000.000 đồng, còn số tiền 591.700.000 đồng đã chuyển giao cho ông Nguyễn Anh Q thì ông Q có nghĩa vụ trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Anh Q trình bày: Thửa đất có diện tích 124m^2 tại địa chỉ Khu dân cư R, ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang mà công ty cổ phần B1 ký đặt cọc với bà H và ông Q ký văn bản thoả thuận chuyển nhượng với bà H là của ông Q, phần diện tích này nằm trong tổng diện tích 13.831 m^2 do ông Q nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tiến T1 và ông Nguyễn Văn T2. Ông Q đã nhận đủ bà H tổng số tiền 641.700.000 đồng. Tại thời điểm công ty nhận đặt cọc và thời điểm chuyển nhượng thì thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Q đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Ông Q xác định thửa đất được thể hiện tại tờ trích đo số: TĐ 170-2024 ngày 22/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P là thửa đất các bên thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng. Do thủ tục hành chính của P nên ông Q chưa kịp thời tách thửa, làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà H. Vì vậy ông Q không thể giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày 31/12/2022 như các bên cam kết trong hợp đồng đặt cọc.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của ông Q trình bày: Ông Q muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên với bà Dương Thị H. Trường hợp bà H không chấp nhận thì ông Q đồng ý trả cho bà H số tiền 591.700.000 đồng vào tháng 6 năm 2026.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên toà có sự thay đổi hội thẩm nhân dân và thư ký phiên toà so với quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chủ toạ phiên toà đã giải thích, các đương sự đồng ý và đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục phiên toà. Toà án đưa vụ án ra xét xử quá thời hạn quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H:

Tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 giữa bà Dương Thị H với công ty cổ phần B1

Huỷ văn bản thoả thuận chuyển nhượng ngày 28/02/2022 giữa bà Dương Thị H với ông Nguyễn Anh Q.

Buộc công ty cổ phần B1 phải trả cho bà Dương Thị H số tiền 641.700.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với yêu cầu buộc công ty chịu phạt cọc số tiền 50.000.000 đồng do bà H tự nguyện rút yêu cầu.

Về án phí: Công ty cổ phần B1 và ông Nguyễn Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất toạ lạc tại ấp R, xã H, thành phố P (nay là khu phố R, đặc khu P, tỉnh An Giang), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của bà Dương Thị H về yêu cầu tuyên huỷ hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 và tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2022 giữa ông Nguyễn Anh Q với bà Dương Thị H đối với thửa đất diện tích 124 m^2 (lô A12-RH2) toạ lạc tại ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Xét thấy hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 giữa bên nhận cọc công ty cổ phần B1 và bên đặt cọc là bà Dương Thị H. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của công ty cổ phần B1 thừa nhận bà Lê Thị Lệ T là nhân viên công ty được công ty phân công để môi giới và thoả thuận đặt cọc với bà Dương Thị H có nhu cầu mua đất nhưng công ty không cung cấp văn bản uỷ quyền giữa công ty với bà T về việc bà T được quyền đại diện công ty để thực hiện ký kết giao dịch đặt cọc với bà H. Do đó hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 vi phạm về mặt chủ thể ký kết hợp đồng.

Đối với văn bản thoả thuận ngày 28/02/2022 được các bên lập tại văn phòng thừa phát lại ghi nhận việc lập văn bản thoả thuận chuyển nhượng phần diện tích đất nêu trên, tuy nhiên không được công chứng hoặc chứng thực theo

quy định của pháp luật nên thoả thuận này bị vô hiệu do không tuân thủ về hình thức.

Xét nội dung của hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng: Tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc ngày 17/02/2022 và thời điểm chuyển nhượng ngày 28/02/2022, phần diện tích đất tranh chấp 124 m^2 (theo tờ trích đo địa chính thửa đất tranh chấp số TĐ170-2024 ngày 22/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời các bên thoả thuận bàn giao sổ chung 500 m^2 trước ngày 31/12/2022, tuy nhiên đến thời điểm khởi kiện thửa đất cũng chưa được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất. Như vậy tại thời điểm đặt cọc và chuyển nhượng, phần đất các bên thoả thuận chuyển nhượng chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng theo quy định của pháp luật nên các giao dịch liên quan đến diện tích đất tranh chấp 124 m^2 (theo tờ trích đo địa chính thửa đất tranh chấp số TĐ170-2024 ngày 22/10/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P) bị vô hiệu do vi phạm điều cấm.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử tuyên hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 giữa bà Dương Thị H và công ty cổ phần B1 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2022 giữa ông Nguyễn Anh Q với bà Dương Thị H đối với thửa đất diện tích 124 m^2 (lô A12-RH2) toạ lạc tại ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố R, đặc khu P, tỉnh An Giang) vô hiệu.

[2.2]. Xét yêu cầu của bà Dương Thị H về việc buộc công ty cổ phần B1 trả cho bà H số tiền 641.700.000 đồng.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của ông Q và đại diện công ty xác định số tiền 641.700.000 đồng ghi nhận trong văn bản thoả thuận chuyển nhượng giữa ông Q và bà H là số tiền bà H đã đặt cọc cho công ty cổ phần B1, như vậy hội đồng xét xử xác định số tiền giao dịch trong 02 hợp đồng đặt cọc và chuyển nhượng chỉ là 641.700.000 đồng.

Tại phiên toà, đại diện của công ty cổ phần B1 đồng ý trả bà H số tiền cọc 50.000.000 đồng, đề nghị ông Nguyễn Anh Q phải trả số tiền 591.700.000 đồng cho bà H. Đề nghị này là không có cơ sở, bởi lẽ tới thời điểm ngày 25/02/2023, bà H chuyển khoản số tiền 591.700.000 đồng vào cùng một tài khoản của bà Đỗ Thị H1 là thủ quỹ của công ty theo thoả thuận của hợp đồng đặt cọc ngày 17/02/2022 giữa công ty và bà H. Tại phiên hoà giải ngày 19/6/2025, đại diện của công ty cổ phần B1 thừa nhận công ty đã nhận của bà H tổng số tiền 641.700.000 đồng.

Do hợp đồng hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 giữa bà Dương Thị H với công ty cổ phần B1 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2022 giữa ông Nguyễn Anh Q với bà Dương Thị H đối với thửa đất diện tích 124 m^2 (lô A12-RH2) toạ lạc tại ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vô hiệu nên không làm thay đổi, phát sinh, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên. Do đó, buộc công ty cổ phần B1 phải trả cho bà Dương Thị H số tiền 641.700.000 đồng (sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp công ty cổ phần B1 có tranh chấp với ông Q số tiền 641.700.000 đồng thì có quyền khởi kiện tranh chấp trong vụ án khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bà Dương Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc công ty cổ phần B1 chịu phạt cọc số tiền 50.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 963.468 đồng nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần B1 phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 641.700.000 đồng là 29.668.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Q1 phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng.

Bà Dương Thị H không phải chịu án phí mà được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 16.434.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004287 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 157, 158; 227; 228; Khoản 2 Điều 244; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117; 119; 129; 328; 407; 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với công ty cổ phần B1.

Tuyên hợp đồng đặt cọc số 0103051/2022/PQ-TS ngày 17/02/2022 giữa bà Dương Thị H với công ty cổ phần B1 đối với thửa đất diện tích 124 m^2 (lô A12-RH2) toạ lạc tại ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vô hiệu;

Tuyên văn bản thỏa thuận chuyển nhượng ngày 28/02/2022 giữa bà Dương Thị H với anh Nguyễn Anh Q đối với thửa đất diện tích 124 m^2 (lô A12-RH2) toạ lạc tại ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang vô hiệu.

Buộc công ty cổ phần B1 phải hoàn trả cho bà Dương Thị H số tiền là 641.700.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc buộc công ty cổ phần B1 phải chịu số tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 963.468 đồng nên hội đồng xét xử ghi nhận.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần B1 phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 641.700.000 đồng là 29.668.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Q1 phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

Bà Dương Thị H không phải chịu án phí mà được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 16.434.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004287 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 2 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang Thanh